

Số: 239/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 1991

## QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

V/v ban hành quy định tạm thời về thu tiền sử dụng đất khi chuyển sang  
mục đích xây dựng

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;
- Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 12 năm 1987;
- Căn cứ quyết định số 186/HĐBT ngày 31-5-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về tiền đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác;
- Xét đề nghị của Trưởng Ban quản lý ruộng đất thành phố (tờ trình số 225/TT.RĐ thành phố ngày 11-3-1991);

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** - Nay ban hành việc qui định tạm thời về thu tiền sử dụng đất khi chuyển sang mục đích xây dựng trên địa bàn thành phố kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** – Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Quản lý ruộng đất thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban vật giá, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các sở, ban, ngành ở thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
K/TChủ tịch  
Phó Chủ tịch

Nguyễn Công Ái

## **QUY ĐỊNH TẠM THỜI**

### **Về việc thu tiền sử dụng đất khi chuyển sang mục đích xây dựng**

*(Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 186/HĐBT ngày 31 tháng 5 năm 1990)*

(Ban hành kèm theo quyết định số 239/QĐ-UB ngày 15-4-1991

của Ủy ban nhân dân thành phố)

**Điều 1.-** Các tổ chức và cá nhân khi được giao đất để sử dụng vào mục đích làm nhà ở hoặc xây dựng công trình phải nộp một khoản tiền để Nhà nước đầu tư vào việc khai hoang, cải tạo đất ở nơi khác và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố- được gọi là tiền sử dụng đất.

Trên cùng một diện tích, cùng một vị trí, tiền sử dụng đất chỉ nộp một lần khi được Nhà nước giao đất.

Nếu đất đang sử dụng là đất nông nghiệp thì khoản tiền này được coi là tiền đền bù thiệt hại về đất nông nghiệp cho Nhà nước, mà quyết định 186/HĐBT ngày 31-5-1990 đã quy định.

Tiền bồi thường các tài sản trên mặt đất và trong lòng đất (công trình ngầm), công sức đầu tư cho chủ sử dụng đất hợp pháp không thuộc quy định này.

Các cá nhân nước ngoài, các tổ chức liên doanh giữa Việt Nam và nước ngoài, các tổ chức kinh tế nước ngoài đầu tư vào Việt Nam được giao đất để sử dụng vào mục đích xây dựng thì không áp dụng quy định này.

**Điều 2. –** Tiền sử dụng đất được tính căn cứ vào ba yếu tố sau:

1/ Chất lượng đất: tính theo hạng đất ghi trong pháp lệnh thuế nông nghiệp qui đổi ra số kilôgam trên một đơn vị diện tích ( $m^2$ ), cụ thể như sau:

Hạng đất	1	2	3	4	5	6	7
Số thóc thu trên một mét vuông đất ( $kg/m^2$ )	10	8	6	5	4	3	2

- Đối với đất không phải là đất nông nghiệp thì áp dụng tương đương đất hạng I. Trong trường hợp đất có địa hình trũng ngập nước quanh năm hoặc sinh

lầy thì được giảm từ 30% đến 60% tiền sử dụng đất theo quy định. Đất nông nghiệp đã tính theo hạng đất thì không có khoản giảm do địa hình trũng.

2/ Diện tích: diện tích để tính tiền sử dụng đất là diện tích đất được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Không tính diện tích đất mượn để làm mặt bằng xây dựng.

3/ Vị trí đất: tùy thuộc vị trí đất ở những nơi mà điều kiện kinh tế, xã hội làm tăng giá trị của đất, người xin sử dụng đất phải nộp tăng thêm tối đa là 20 lần so với số thóc phải thu trên mỗi m<sup>2</sup> đất theo hạng đất tương ứng – cụ thể dưới đây:

a) Đối với đất nằm ở vị trí mặt tiền đường thuộc nội thành, nội thị trấn của các huyện áp dụng hệ số vị trí theo bảng 1 (đính kèm).

- Khi đất nằm trong hẻm (xen kẽ trong khu dân cư) thì tính theo tỷ lệ % so với vị trí đất ở mặt tiền đường tương ứng. Mức thu theo bảng 1a (đính kèm).

Ở các phường thuộc các quận Tân Bình, Bình Thạnh, quận 8, Gò Vấp có đất nông nghiệp, khi vị trí không sát đường thì tùy theo khoảng cách tới mép đường tiền sử dụng đất được tính theo tỷ lệ % so với đất ở mặt tiền đường tương đương mức thu theo bảng 1b (đính kèm).

b) Đối với đất nằm ở vị trí mặt tiền đường quốc lộ, đại lộ, tỉnh lộ, liên tỉnh thuộc các ngoại thành (trừ thị trấn) thì áp dụng hệ số theo bảng hai (đính kèm).

- Tùy theo khoảng cách của vị trí đất so với con đường này tiền sử dụng đất được tính theo tỷ lệ % so với vị trí mặt tiền đường tương ứng. Mức thu theo bảng 2a (đính kèm).

c) Các khu đất ở vị trí khác, tiền sử dụng đất được tính theo hạng đất tương ứng.

d) Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Ban quản lý ruộng đất thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ trì phối hợp cùng ấn định cụ thể hệ số của mỗi đoạn đường, con đường của từng quận, huyện đó trong khung hệ số không chế ở bảng 1 và 2.

**Điều 3.** – Giá thóc để tính mức tiền sử dụng đất được lấy theo thời giá của thóc ở địa bàn thành phố, tại thời điểm tháng 9 năm 1990 là 700đ/kg. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chỉnh sửa khi cần thiết.

**Điều 4.**- Đối với các công trình có thời hạn sử dụng không quá 10 năm, mức tiền sử dụng đất trên một đơn vị diện tích trong năm bằng 50% định mức

tiền sử dụng đất trên một đơn vị diện tích cùng hạng đất, cùng vị trí của các công trình sử dụng đất lâu dài. Số tiền sử dụng đất tạm thời được tính căn cứ vào thời hạn được phép sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền giao đất quy định.

Hết hạn sử dụng, các tổ chức cá nhân sử dụng đất có nghĩa vụ phục hồi mặt bằng, tăng đất canh tác trước khi bàn giao cho người nhận đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

**Điều 5.** – Các đối tượng sau đây được miễn đóng tiền sử dụng đất:

1/ Đối với cá nhân: khi cơ quan có thẩm quyền giao đất để xây nhà ở bao gồm:

- Gia đình có ba liệt sĩ trở lên; gia đình có con độc nhất là liệt sĩ; con của liệt sĩ mồ côi cả cha lẫn mẹ; người được hưởng chính sách của gia đình liệt sĩ, già cả neo đơn không nơi nương tựa hoặc tàn tật gặp hoàn cảnh khó khăn.

- Cán bộ lão thành trước Cách mạng 8/1945; người có công với cách mạng thuộc diện đặc biệt; người có công với cách mạng, già cả neo đơn không nơi nương tựa; anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà khoa học có nhiều cống hiến đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

- Bệnh binh hạng 1, thương binh hạng 1/4 và 2/4.

2/ Đối với các tổ chức:

- Đất giao cho các tổ chức để xây nhà tình nghĩa theo chính sách.

- Đất giao cho các tổ chức để xây công trình vào mục đích từ thiện, sau khi có ý kiến nhất trí của Sở Thương binh và xã hội.

- Đất giao cho các tổ chức để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng không mang tính chất kinh doanh sản xuất, do nguồn vốn của Nhà nước, kể cả nghĩa trang liệt sĩ.

**Điều 6.-** Các đối tượng sau đây được giảm tiền sử dụng đất:

1/ Đối với cá nhân:

- Thương binh hạng 3/4 và 4/4, bệnh binh nặng 2/4 và 4/4 và gia đình của một liệt sĩ (ngoài diện trên) được giảm 50%.

- Cán bộ công nhân viên cứ 5 năm công tác được giảm 10%.

Bộ đội tại ngũ hoặc đã nghỉ hưu cứ 3 năm phục vụ trong quân đội được

giảm 10%.

Thời gian công tác được cộng chung của cả vợ và chồng để xét giảm.

- Những trường hợp cá biệt do cuộc sống quá nghèo túng khó khăn hoặc tai nạn thì Ban quản lý ruộng đất thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện đó xem xét giải quyết, nhưng không được giảm quá 50% số tiền phải đóng theo quy định.

2/ Đối với các tổ chức kể cả công an và quân đội:

- Giảm 40% nếu xin sử dụng đất để xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân viên.

- Giảm 50% đối với đất giao để làm giao thông.

- Giảm 50% đối với công trình thủy lợi cố định loại lớn.

- Giảm 30% đối với công trình thủy lợi cố định loại vừa.

- Giảm 20% đối với công trình thủy lợi cố định loại nhỏ.

- Giảm 50% nếu xin sử dụng đất để xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ lợi ích tập thể và trụ sở hợp tác xã, đồn trại của công an, quân đội, văn phòng nơi làm việc của Ủy ban nhân dân và các bộ phận trực thuộc.

**Điều 7.-** Đối với các trường hợp được miễn, giảm do mục đích sử dụng như đã nêu ở điều 5 và 6 nếu sau đó chuyển sang mục đích khác không thuộc diện được miễn, giảm thì sẽ phải đóng tiền sử dụng đất theo qui định này.

Về mục đích làm nhà ở, chế độ miễn, giảm chỉ áp dụng đối với phần diện tích trong mức quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 8.-** Các tổ chức hoặc cá nhân xin đất để xây nhà với mục đích kinh doanh nhà thì sẽ phải nộp tiền sử dụng đất tăng 20% so với quy định chung (nhân hệ số 1,2 lần).

**Điều 9.-** Khi các tổ chức xin đất nếu đất thuộc diện giải toả nghĩa địa theo qui hoạch và đơn vị phải trả phí tổn cho việc giải toả thì đơn vị chỉ phải đóng tiền đất bổ sung trong trường hợp phí tổn cho việc giải toả ít hơn tiền sử dụng đất theo quy định.

- Đối với trường hợp giải toả nhà theo quy hoạch nếu chi phí cho việc bồi thường thiệt hại về tài sản như vật kiến trúc nhà cửa, cây cối (không tính tiền bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư làm tăng giá trị đất) cao hơn tiền sử dụng đất theo qui định thì đơn vị không phải đóng tiền sử dụng đất nữa.

Ngược lại nếu thấp hơn thì phải đóng phần chênh lệch đó.

Trường hợp đặc biệt sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết.

**Điều 10.-** Trường hợp người đang sử dụng đất hợp pháp muốn chuyển mục đích để làm nhà ở hoặc xây dựng công trình khác khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì phải đóng tiền sử dụng đất như đã nêu ở điều 1.

Nếu đất có nguồn gốc hợp pháp từ trước giải phóng nay họ vẫn đang trực tiếp sử dụng và chuyển mục đích để làm nhà ở cho chính người đó hoặc con thì không phải đóng tiền sử dụng đất.

**Điều 11.-** Việc chuyển quyền sử dụng đất có nhà ở, vật kiến trúc khác hoặc cây lâu năm theo khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai, nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì người sử dụng đất phải đóng tiền thuê trước bạ- mức thu tiền thuê trước bạ theo quy định hiện hành. Căn cứ để tính giá trị của đất được tính theo bản qui định này.

**Điều 12.-** Trong trường hợp đất bị thu hồi vì vi phạm pháp luật đất đai thì Nhà nước không hoàn trả tiền sử dụng đất. Trường hợp thu hồi không do lỗi của người sử dụng thì người sử dụng đó được giải quyết đền bù thiệt hại theo pháp luật hiện hành.

**Điều 13.-** Căn cứ vào văn bản chấp thuận về địa điểm, chấp thuận hợp thức hoá, hoặc đồng ý cho chuyển mục đích sử dụng của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý ruộng đất cấp đó tiến hành xác định hệ số vị trí, diện tích, hạng đất hoặc loại đất để tính tiền sử dụng. Cơ quan tài chính cùng cấp tiến hành thẩm định kết quả xác định về đất của cơ quan quản lý ruộng đất và thu tiền sử dụng đất.

Tiền sử dụng đất thu một lần. Trường hợp đặc biệt Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét, giải quyết riêng.

**Điều 14.-** Toàn bộ tiền sử dụng đất phải nộp vào ngân sách Nhà nước và được điều tiết cho các cấp ngân sách theo tỷ lệ sau:

- |                             |     |
|-----------------------------|-----|
| - Ngân sách cấp Trung ương  | 30% |
| - Ngân sách cấp thành phố   | 40% |
| - Ngân sách cấp huyện, quận | 30% |

Trong khoản ngân sách thuộc quyền mình, Ủy ban nhân dân quận, huyện được quyền điều tiết cho phường, xã theo tỷ lệ thích hợp.

Khoản tiền này chỉ được sử dụng vào việc khai hoang phục hoá, cải tạo,

bảo vệ đất, công tác quản lý đất đai và để xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố.

**Điều 15.-** Khi kiểm tra, thanh tra đất phát hiện các vi phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý theo pháp luật. Đối với trường hợp thuộc diện hợp thức hoá thì người vi phạm phải làm thủ tục hợp thức hoá chậm nhất trong thời hạn hai tháng. Nếu quá hạn vẫn không làm thủ tục thì bị xử lý bằng hình thức nặng hơn.

Khi cơ quan có thẩm quyền hợp thức hoá việc sử dụng đất cho các trường hợp vi phạm thì người sử dụng đất được hợp thức hoá phải đóng tiền sử dụng đất theo quy định.

**Điều 16.-** Quyết định giao đất hoặc hợp thức hoá quyền sử dụng đất chỉ giao cho chủ xin sử dụng đất sau khi người sử dụng đất đã đóng đầy đủ tiền theo quy định.

Thời gian trao quyết định chậm nhất là 20 ngày, kể từ khi người xin đất nộp đủ tiền.

- Những tổ chức hoặc cá nhân nào không chấp hành và chiếm đất thi công hoặc tiếp tục sử dụng bất hợp pháp thì ngoài việc xử lý do xây dựng bất hợp pháp phải nộp tiền phạt kể từ ngày thi công cho đến khi nộp đủ tiền sử dụng đất. Mức phạt là 0,1% số tiền nộp chậm cho mỗi ngày.

**Điều 17.-** Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tính sai số tiền với mục đích vụ lợi hoặc thu tiền sử dụng đất trái thẩm quyền sẽ bị xử lý theo bổn chế độ trách nhiệm của cán bộ công nhân viên Nhà nước (ban hành kèm theo Nghị định 217/CP ngày 8-6-1979), ngoài ra còn bị phạt tiền đến 50.000 đồng (pháp lệnh xử phạt hành chính ngày 30-11-1989). Số tiền sử dụng đất thu trái thẩm quyền sẽ bị thu hồi nộp ngân sách của thành phố.

**Điều 18.-** Trưởng Ban quản lý ruộng đất thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp thành phố, Trưởng Ban vật giá thành phố và Giám đốc Sở Tài chính thành phố có trách nhiệm hướng dẫn thi hành bản quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có điểm nào không phù hợp, Ban quản lý ruộng đất thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung.

**Điều 19.-** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây của các quận, huyện về khoản thu này đều bãi bỏ.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**Bảng 1: HỆ SỐ VỊ TRÍ ĐẤT Ở MẶT TIỀN ĐƯỜNG THUỘC NỘI THÀNH VÀ NỘI CÁC THỊ TRẤN CỦA CÁC HUYỆN**

QUẬN VÀ THỊ TRẤN CÁC HUYỆN	Chiều rộng lòng đường < 7m có 1 làn xe		Chiều rộng lòng đường ≥ 7m có 2 làn xe		Ghi chú
	Xa trung tâm	Ven khu trung tâm	Xa trung tâm	Ven khu trung tâm	
Quận 1 và 3	8,5 – 13,8	13,8 – 15,8	13,8 – 15,8	15,8 – 20,0	Những vị trí đất ở khu chợ và trung tâm DV thương mại thì tính theo hệ số tối đa
Quận 5 và 10	8,5 – 12,6	12,6 – 14,4	12,6 – 14,4	14,4 – 18,0	
Quận 11	7,2 – 11,3	11,3 – 12,9	11,3 – 12,9	12,9 – 16,2	
Quận Phú Nhuận	8,5 – 11,3	11,3 – 12,9	11,3 – 12,9	12,9 – 16,2	
Quận 6 + Tân Bình + Bình Thạnh	7,2 – 10,7	10,7 – 12,2	10,7 – 12,2	12,2 – 15,3	
Quận 4	7,2 – 9,4	9,4 – 10,8	9,4 – 10,8	10,8 – 13,5	
Quận 8	5,5 – 8,9	8,9 – 10,2	8,9 – 10,2	10,2 – 12,7	
Quận Gò Vấp	7,0 – 7,4	7,4 – 8,5	7,4 – 8,5	8,5 – 10,6	
Thị trấn Thủ Đức, Bình Chánh	5,9 – 6,5	6,5 – 7,4	6,5 – 7,4	7,4 – 9,3	
Thị trấn Hóc Môn, Nhà Bè	5,0 – 5,5	5,5 – 6,2	5,5 – 6,2	6,2 – 7,8	
Thị trấn Củ Chi, Duyên Hải	3,3 – 3,6	3,6 – 4,0	3,6 – 4,0	4,0 – 5,0	

**Bảng 1a: MỨC THU ĐỐI VỚI ĐẤT Ở TRONG HÈM SO VỚI MẶT TIỀN ĐƯỜNG Ở BẢNG 1 (Áp dụng cho đất xen kẽ trong khu dân cư tập trung)**

Chiều sâu so với mặt tiền đường	Chiều rộng hèm	
	Lớn hơn 2m (ô tô đi được)	Nhỏ hơn hoặc bằng 2m (ô tô không đi được)



Nhỏ hơn 50m	50%	40%
Từ 50m trở lên	40%	30%

**Bảng 1b: MỨC THU TIỀN (%) ĐỐI VỚI ĐẤT CÁCH ĐƯỜNG Ở BẢNG 1 – KHU ĐẤT NẴM Ở KHU VỰC CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG THUỘC MỘT SỐ PHƯỜNG CỦA CÁC QUẬN: BÌNH THẠNH, TÂN BÌNH, GÒ VẤP, QUẬN 8**

Khoảng cách so với đường ở bảng 1	Mức thu tiền so với mặt đường (%)
Nhỏ hơn 100m	50%
Từ 100 – 500m	40%
Trên 500m	30%

**Bảng 2: HỆ SỐ VỊ TRÍ ĐỐI VỚI ĐẤT Ở MẶT TIỀN ĐƯỜNG THUỘC CÁC HUYỆN NGOẠI THÀNH**

**(Không áp dụng cho thị trấn các huyện)**

CÁC HUYỆN	Mặt tiền đường liên tỉnh, tỉnh lộ		Mặt tiền đường quốc lộ, đại lộ	
	Xa khu trung tâm hơn	Ven khu trung tâm	Xa khu trung tâm hơn	Ven khu trung tâm
Thủ Đức + Bình Chánh	5,0 – 5,5	5,5 – 6,2	5,5 – 6,2	6,2 – 7,8
Hóc Môn + Nhà Bè	3,0 – 3,3	3,3 – 3,7	3,3 – 3,7	3,7 – 4,7
Củ Chi + Duyên Hải	2,0 – 2,2	2,2 – 2,4	2,2 – 2,4	2,4 – 3,0

+ Đất ven khu trung tâm: tức là ở vị trí ven thành phố và ven thị trấn của các huyện

**Bảng 2a: MỨC THU TIỀN (%) ĐỐI VỚI ĐẤT CÓ KHOẢNG CÁCH SO VỚI MẶT TIỀN ĐƯỜNG Ở BẢNG 2**

Khoảng cách so với mặt tiền đường	Mức thu (%)
Nhỏ hơn 100m	50%

Trên 100 – 500m	40%
Trên 300- 500m	30%
Trên 500m	Tính theo hạng đất

**Bảng tính: TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP (ĐỐI VỚI ĐẤT HẠNG I VÀ ĐƠN ĐƠN GIÁ THỐC LÀ 700đ/kg)**

**1/ ĐỐI VỚI ĐẤT TRONG NỘI THÀNH VÀ NỘI THỊ TRẤN**

QUẬN VÀ THỊ TRẤN CÁC HUYỆN	Thấp nhất  Cao nhất (hẻm)	Chiều rộng lòng đường <7m		Chiều rộng lòng đường ≥7m		Ghi chú
		Xa khu trung tâm	Ven khu trung tâm	Xa khu trung tâm	Ven khu trung tâm	
Quận 1 và 3	17.850 - 140.000	59.500 - 96.600	96.600 – 110.600	96.600 – 110.600	110.600– 140.000	
Quận 5 và 10	17.850 - 126.000	59.500 – 88.200	88.200 – 100.800	88.200 – 100.800	100.800– 126.000	
Quận 11	15.120 – 113.400	50.400 – 79.100	79.100 – 90.300	79.100 – 90.300	90.300 - 113.400	
Quận Phú Nhuận	17.850 – 113.400	59.400 – 79.100	79.100 – 90.300	79.100 – 90.300	90.300 – 113.400	
Quận 6 + Tân Bình + Bình Thạnh	15.120 – 107.100	50.400 – 74.900	74.900 – 85.400	74.900 – 85.400	85.400 – 107.100	
Quận 4	15.120 – 94.500	50.400 – 65.800	65.800 – 75.600	65.800 – 75.600	75.600 – 94.500	
Quận 8	11.550 – 88.900	38.500 – 62.300	62.300 – 71.400	62.300 – 71.400	71.400 – 88.900	
Quận Gò Vấp	14.700 74.200	49.000 – 51.800	51.800 – 59.500	51.800 – 59.500	59.500 – 74.200	
Thị trấn Thủ Đức, Bình Chánh	12.390 – 65.100	41.300 – 45.500	45.500 – 51.800	45.500 – 51.800	51.800 – 65.100	
Thị trấn Hóc Môn, Nhà Bè	10.500 – 54.600	35.000 – 38.500	38.500 – 43.400	38.500 – 43.400	43.400 – 54.600	
Thị trấn Củ Chi, Duyên Hải	6.930 – 35.000	23.100 – 25.200	25.200 – 28.000	25.200 – 28.000	28.000 – 35.000	

2/ ĐỐI VỚI ĐẤT Ở VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, LIÊN TỈNH, ĐẠI LỘ

CÁC HUYỆN	Mặt tiền đường liên tỉnh, tỉnh lộ		Mặt tiền đường quốc lộ, đại lộ	
	Xa khu trung tâm hơn	Ven khu trung tâm	Xa khu trung tâm hơn	Ven khu trung tâm
Thủ Đức + Bình Chánh	35.000 – 38.500	38.500 – 43.400	38.500 – 43.400	43.400 – 54.600
Hóc Môn + Nhà Bè	21.000 – 23.100	23.100 – 25.900	23.100 – 25.900	25.900 – 32.900
Củ Chi + Duyên Hải	14.000 – 15.400	15.400 – 16.800	15.400 – 16.800	16.800 – 21.000
+ Đất ven khu trung tâm tức là ở vị trí ven thành phố và ven thị trấn của các huyện				